TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08-4-2025
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bà Nguyễn Thị Lại và ông Dương Văn Toản.

- Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Minh Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Việt Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Việt Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1977; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Lê Văn B, sinh năm 1980; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn D, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang;

Sinh quán: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Toà án nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị và anh Lê Văn B kết hôn từ năm 1999 và tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, nhưng cho đến ngày 27 tháng 4 năm 2006 vợ chồng mới đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã T,

thị xã V để đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hoà thuận, hạnh phúc và có với nhau 3 con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn xảy từ năm 2017 là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh B không chịu làm ăn, chị khuyên bảo thì anh B đập phá tài sản thậm trí còn đánh chị, chị phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp, đã vậy anh B còn có biểu hiện quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bởi vậy mâu thuẫn kéo dài đến năm 2022 vợ chồng sống ly thân từ đó tới nay, không ai quan tâm đến ai. Hai bên gia đình không gặp gỡ hàn gắn hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn B.

- *Về con chung:* Chị và anh Lê Văn B có 3 con chung là Lê Thị S1, sinh ngày 15/02/2000, Lê Văn Q, sinh ngày 07/02/2002 và Lê Thị T, sinh ngày 09/8/2004. Hiện nay các con đều trưởng thành, đã kết hôn nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, riêng, công sức, ruộng đất, công nợ:* Không có gì vướng mắc nên chị không đặt thành yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị Nguyễn Thị S không có yêu cầu đề nghị nào khác.

Phía anh Lê Văn B đã được tòa án triệu tập đến trụ sở tòa án làm việc cũng như Toà án cùng chính quyền địa phương đến nơi cư trú của anh Lê Văn B nhưng anh Lê Văn B không có mặt tại nơi cư trú nên không thể tiến hành ghi lời khai của anh Lê Văn B được.

Tại phiên toà chị Nguyễn Thị S vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Lê Văn B vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại các điều 70 và điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quy định tại các điều 70 và điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân

sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị S ly hôn với anh Lê Văn B.

Về con chung: Không giải quyết.

Về tài sản, công sức, ruộng đất, vay nợ: Không giải quyết.

Về án phí: chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 01 tháng 11 năm 2024 Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên tiến hành thụ lý vụ án. Quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành gửi, giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho anh Lê Văn B, yêu cầu anh Lê Văn B đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng anh Lê Văn B không đến. Tòa án cùng chính quyền địa phương đến địa chỉ nơi cư trú của anh B không có mặt tại nơi cư trú tại thôn D, xã T, thị xã V. Đồng thời Toà án đã xác minh tại nơi sinh quán của anh Lê Văn B, Công an xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn xác nhận không có thông tin cư trú của anh Lê Văn B tại địa phương. Chị Nguyễn Thị S đã cung cấp địa chỉ nơi cư trú của anh Lê Văn B cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối Cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 192 BLTTDS năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. Đây thuộc trường hợp người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, của người bị kiện thì được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú. Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú, gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 BLDS năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Do vậy Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử khi chưa tiến hành lấy lời khai cũng như lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và làm thủ tục hòa giải giữa các đương sự là có căn cứ. Tòa án giao, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với anh Lê Văn B. Ngày 18 tháng 3 năm 2025 Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án nhưng anh Lê Văn B

vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, đồng thời niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa đối với anh Lê Văn B. Chị Nguyễn Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử theo trình tự thủ tục chung.

[2] Do việc anh Lê Văn B không trình bày quan điểm và không đến tòa án làm việc nên không ghi được lời khai của anh Lê Văn B, tuy nhiên qua điều tra xác minh chính quyền địa phương thì thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Lê Văn B kết hôn năm 1999 trên cơ sở tự nguyện, sau khi chung sống khoảng 7 năm mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang vào ngày 27 tháng 4 năm 2006 đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị S và anh Lê Văn B là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại thôn D, xã T (quê chị S). Quá trình chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống cũng như trong sinh hoạt cuộc sống thường ngày, mâu thuẫn xảy ra gay gắt, vợ chồng đã hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, vợ chồng chấm dứt quan hệ từ năm 2022 cho đến nay không còn quan hệ gì với nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy: Thực tế vợ chồng đã ly thân từ năm 2022, kể từ khi ly thân cho đến nay mặc dù hai bên có hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân giữa Nguyễn Thị S và anh Lê Văn B không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng cũng không thể có hạnh phúc. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị S là phù hợp với thực tế cuộc sống chung của vợ chồng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, cần xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Lê Văn B là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung là Lê Thị S1, sinh ngày 15/02/2000, Lê Văn Q, sinh ngày 07/02/2002 và Lê Thị T, sinh ngày 09/8/2004. Hiện nay các cháu đều trưởng thành, đã kết hôn nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công sức, vay nợ và ruộng đất: Chị Nguyễn Thị S xác định không có gì vướng mắc nên không đặt thành yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228, 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Lê Văn B.

- Về con chung: Không giải quyết.

- Tài sản, vay nợ, ruộng, đất: Không giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, (Xác nhận chị Nguyễn Thị S đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0001518 ngày 01/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang).

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- UBND xã Trung Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Tân Thịnh